

## **CUỘC VẬN ĐỘNG ĐỔI MỚI TƯ DUY KINH TẾ CỦA LƯƠNG KHẮC NINH TRÊN BÁO NÔNG CỎ MÍN ĐÀM (1901 - 1905)**

**PHẠM PHÚC VĨNH\***

*Sau khi xâm lược và biến Nam Kỳ thành thuộc địa, thực dân Pháp đã du nhập phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và văn minh phương Tây vào vùng đất này. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, kinh tế xã hội Nam Kỳ có sự chuyển biến theo con đường tư bản chủ nghĩa. Trong quá trình đó, cộng đồng người Hoa, người Ấn, được sự hậu thuẫn của Pháp đã vươn lên trở thành lực lượng nắm giữ và chi phối hoạt động kinh tế ở Nam Kỳ, làm cho người Việt cảm thấy mình bị thua thiệt trên chính quê hương bản xứ của mình, từ đó họ nảy sinh tư tưởng tranh thương với giới tư sản Hoa kiều, Ấn kiều. Trong bối cảnh đó, Lương Khắc Ninh đã mở một cuộc vận động trên báo Nông cỏ mìn đàm (từ 1901 đến 1905), kêu gọi người Việt thay đổi tư duy kinh tế, cạnh tranh với các thế lực tư sản ngoại bang.*

*Từ khóa:* Lương Khắc Ninh, *Nông cỏ mìn đàm*, Minh Tân, Nam Kỳ

*Nhận bài ngày:* 29/4/2017; *đưa vào biên tập:* 7/5/2017; *phản biện:* 20/6/2017; *duyet đăng:* 20/8/2017

### **1. NHỮNG TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH Ở NAM KỲ ĐẦU THẾ KỶ XX**

#### **1.1. Chế độ cai trị trực tiếp của thực dân Pháp ở Nam Kỳ**

Trong quá trình xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp chiếm đóng đến đâu là thiết lập bộ máy kiểm soát đến đó. Sau Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), bộ máy cai trị của Pháp chính thức được thiết lập ở ba tỉnh miền Đông (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa). Sau khi Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Tây năm 1867 (Vĩnh Long, An Giang và Hà

Tiên) và ký Hiệp ước Giáp Tuất 1874 Pháp trực tiếp quản lý Nam Kỳ về mọi phương diện, nhà Nguyễn về cơ bản không còn quyền hành gì nữa tại đây.

Sau khi chiếm được Campuchia và Lào, Pháp sát nhập cả 3 nước thành Liên bang Đông Dương. Việt Nam bị chia thành 3 kỳ với các chính sách cai trị khác nhau. Trong Liên bang Đông Dương, Nam Kỳ chịu sự cai trị trực tiếp theo “quy chế” thuộc địa, các xứ Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Campuchia và Lào chịu sự cai trị theo “quy chế” bảo hộ<sup>(1)</sup>. Một số thiết chế dân chủ ở chính quốc được áp dụng (có giới hạn) ở Nam Kỳ như tự do báo chí; bầu cử Hội đồng

\* Trường Đại học Sài Gòn.

Quản hạt Nam Kỳ (dành cho người có quốc tịch Pháp và người Việt hội đủ điều kiện tài chính theo quy định); quyền xin nhập quốc tịch Pháp...

Chế độ cai trị trực tiếp của thực dân Pháp đã khiến Nam Kỳ sớm tiếp nhận những giá trị văn minh phương Tây so với cả nước.

## **1.2. Sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và vai trò thống trị của ngoại kiều**

Ở Nam Kỳ, sau khi hoàn thành xâm lược và tổ chức bộ máy quản lý, thực dân Pháp bắt tay ngay vào khai thác vùng thuộc địa giàu tiềm năng này.

Cùng với sự ra đời của các công trình hạ tầng như giao thông, liên lạc, hệ thống cung ứng điện nước, nhiều nhà máy công xưởng mang hơi hướng công nghiệp hiện đại bắt đầu được thiết lập tại Nam Kỳ. Theo thống kê năm 1905 của Pháp, lúc này Nam Kỳ có 9 nhà máy xay (tập trung ở Sài Gòn-Chợ Lớn), 1 xưởng đóng tàu (Ba Son) và một số xưởng sửa chữa, đóng xà lan qui mô ở Sài Gòn, 2 nhà máy xà phòng ở Sài Gòn, 1 xưởng nhuộm phẩm và vécnit ở Biên Hòa, 1 nhà máy điện ở Sài Gòn (dẫn theo Lê Hữu Phước 2013: 141).

Chính quyền thuộc địa đặc biệt chú trọng đến hoạt động thương mại tại Nam Kỳ<sup>(3)</sup>. Ngay sau khi Pháp chiếm các tỉnh miền Đông, Pháp tuyên bố mở cửa cảng Sài Gòn cho thuyền buôn của tất cả các nước và khuyến khích ngoại thương<sup>(4)</sup>. Hoạt động xuất nhập khẩu tại cảng Sài Gòn phát triển rất mạnh mẽ, đặc biệt là hoạt động

buôn bán giữa Pháp với Nam Kỳ và Đông Dương.

Trong quá trình khai thác Nam Kỳ, thực dân Pháp đã sử dụng thương nhân người Hoa làm trợ thủ đắc lực. Theo J.P. Aumiphin, “tư bản Trung Hoa có đại diện rất mạnh trong việc buôn bán gạo, trong việc nhập khẩu vải bông và một phần khá lớn việc buôn bán lẻ ở Nam Kỳ tập trung trong tay người Trung Hoa” (dẫn theo Lê Hữu Phước 2013: 143).

Không chỉ trong lĩnh vực buôn bán lúa gạo ở Nam Kỳ, trong thời gian đầu cai trị, thực dân Pháp còn khoán việc sản xuất và phân phối thuốc phiện cho người Hoa để gia tăng ngân sách. Chỉ sau này, khi thấy mối lợi lớn từ hoạt động này, chính quyền thực dân mới quyết định nắm độc quyền sản xuất và buôn bán muối, rượu và thuốc phiện. Ngoài ra, thực dân Pháp còn tạo điều kiện cho cộng đồng Ấn kiều tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, giúp lực lượng này vươn lên thống lĩnh hoạt động cho vay tiền, kinh doanh dịch vụ cho thuê nhà, kinh doanh vải... ở Nam Kỳ.

Ngược lại, trong giai đoạn này, hoạt động kinh tế công thương của người Việt ở Nam Kỳ khá mờ nhạt. Trong *Niên giám Đông Dương* phát hành năm 1910, chính quyền thực dân đánh giá thực trạng các nghề thủ công truyền thống ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như sau: “Nghề thủ công bản xứ chẳng có gì đáng kể. Người bản xứ chỉ chế tác một ít đồ kim hoàn, các vật dụng đan bằng mây

tre, chiếu và các loại túi cói... Kỹ nghệ bản xứ hiện đang tồn tại thoi thóp... Hiện nay, người ta chỉ đang tập trung vào những ngành kỹ nghệ của người Hoa hoặc người Pháp vừa nhập vào Nam Kỳ. Các nghề thủ công bản xứ nổi tiếng một thời thì đang suy thoái hoặc biến dần” (dẫn theo Lê Hữu Phước 2013: 142).

Có thể nói, tư bản Pháp, người Hoa, người Ấn ở Nam Kỳ đã trở thành lực lượng nắm giữ và chi phối hoạt động kinh tế và thương mại ở Nam Kỳ. Điều này khiến người Việt cảm thấy bị thua thiệt trên chính quê hương của mình, từ đó nảy sinh tư tưởng muốn cạnh tranh làm ăn buôn bán; và chính mô hình kinh doanh của giới tư sản Pháp, Hoa kiều đã trở thành hình mẫu để người Việt ở Nam Kỳ học hỏi.

### **1.3. Sự du nhập của văn hóa, giáo dục Pháp và sự nổi lên của báo chí Quốc ngữ**

Về *giáo dục*, ngay sau khi chiếm đóng Nam Kỳ, thực dân Pháp đã xây dựng một nền giáo dục mới theo mô hình giáo dục Pháp để thay thế nền giáo dục Nho học ở Nam Kỳ, nhằm đào tạo một đội ngũ viên chức người bản xứ phục vụ cho chính quyền Pháp, đồng thời truyền bá tư tưởng và những giá trị văn minh của Pháp ở Việt Nam.

Ngày 16/7/1864, chính quyền thực dân ra quyết định thành lập một số trường tiểu học ở các tỉnh để dạy chữ Quốc ngữ và dạy toán. Sau khoảng 6, 7 năm thực hiện, Pháp đã tổ chức được ở Nam Kỳ 58 trường học (trong đó có 2 trường của giáo hội) với tổng

số học sinh là 1.368 người (Phan Trọng Báu 2015: 41). Ngày 17/11/1874, Thống đốc Nam Kỳ ban hành Quyết định số 282, quy định về chính sách giáo dục công cộng tại Nam Kỳ theo chế độ mới và quyết định số 283, quy định về chương trình giáo dục công cộng tại Nam Kỳ.

Tiếp đó, ngày 04/6/1878, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định quy định kể từ ngày 01/01/1882, các văn kiện nhà nước đều phải được viết bằng chữ Quốc ngữ và chỉ những người biết chữ Quốc ngữ mới được tuyển dụng, bổ nhiệm vào các chức phủ, huyện, tổng...

Chính sách của chính quyền thực dân đã thúc đẩy việc sử dụng chữ Quốc ngữ ngày càng sâu rộng ở Nam Kỳ và dẫn tới sự cáo chung của nền giáo dục Nho học<sup>(5)</sup>.

Về *văn hóa*, là đất thuộc địa của Pháp, Nam Kỳ sớm chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp, trong đó có hoạt động báo chí. Đạo luật về báo chí của Pháp chính thức được ban hành tại Nam Kỳ ngày 22/9/1881, quy định: “trước khi phát hành tờ báo, người chủ báo cần khai báo với Biện lý cuộc những gì có liên quan đến tờ báo như tên tờ báo, loại báo, tên họ, địa chỉ người quản lý, nơi in báo. Tất cả những thay đổi về những điểm trên đều phải khai báo trước 5 ngày” (Nguyễn Đình Tư 2016: 398). Đến năm 1898, chính quyền Pháp ban hành sắc lệnh sửa đổi tại thuộc địa Nam Kỳ, bắt buộc tất cả những tờ báo không phải bằng tiếng Pháp đều phải có sự cho phép trước

của toàn quyền. Nếu không tuân thủ sẽ phải ra tòa Tiểu hình” (Nguyễn Đình Tư 2016: 398).

Tuy bị chính quyền thực dân Pháp tìm cách kiểm soát, nhưng nhìn chung báo chí ở Nam Kỳ vẫn có được sự tự do nhất định. Vì vậy, trong những thập niên đầu thế kỷ XX, ở Nam Kỳ xuất hiện nhiều tờ báo tiến bộ như: *Nông cổ mìn đàm* (1901-1924), *Lục tỉnh tân văn* (1907-1944)... Những tờ báo này được tầng lớp trí thức yêu nước sử dụng làm phương tiện chuyển tải các thông điệp yêu nước, vận động quần chúng đoàn kết để kinh doanh, tranh thương và bảo vệ lợi ích của dân tộc.

#### **1.4. Sự xuất hiện của tầng lớp trí thức, điền chủ mới có tinh thần cải cách**

Quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội Nam Kỳ, làm xuất hiện những lực lượng xã hội mới, trong đó phải kể đến là những đại điền chủ, điền chủ bậc trung và trí thức Tây học. Hai tầng lớp này được thực dân Pháp tạo một số điều kiện và tìm cách lôi kéo vào bộ máy thống trị để phục vụ cho chính quyền thực dân.

Tuy vậy, sống trong hoàn cảnh bị mất nước, các quyền lợi bị ngoại bang chiếm lấy, nhiều điền chủ, trí thức tiến bộ đã trăn trở, suy nghĩ về vận mệnh của đất nước, về sự yếu kém trong kinh doanh, buôn bán của người Việt. Vì vậy, họ đã chấp nhận rủi ro về chính trị, hao tổn về kinh tế, đứng lên

vận động người Việt thay đổi tư duy kinh tế, học hỏi cách làm ăn của Hoa kiều và người Pháp để trở thành một dân tộc văn minh, cạnh tranh với các thế lực tư sản Hoa kiều và Pháp.

## **2. LƯƠNG KHẮC NINH VẬN ĐỘNG ĐỔI MỚI TƯ DUY KINH TẾ TRÊN BÁO NÔNG CỔ MÍN ĐÀM**

### **2.1. Báo *Nông cổ mìn đàm* và cuộc vận động đổi mới tư duy kinh tế ở Nam Kỳ**

*Nông cổ mìn đàm*<sup>(7)</sup> được Toàn quyền Paul Doumer cấp phép hoạt động ngày 14/2/1901, do ông Paul Canavaggio, một chủ đồn điền, thương nhân buôn muối và đồng thời là Ủy viên Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ làm chủ báo (trên manchette của báo ghi là “Chủ nhơn”). Báo ra số đầu tiên vào ngày 1/8/1901. Chủ bút đầu tiên của báo là ông Lương Khắc Ninh (từ 1901 đến 1906). Năm 1906, ông Lương Khắc Ninh được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng tư vấn Đông Dương, ông Trần Chánh Chiếu thay làm chủ bút; đến tháng 5/1908, Trần Chánh Chiếu chuyển sang làm chủ bút báo *Lục tỉnh tân văn*, vị trí chủ bút *Nông cổ mìn đàm* trong những năm sau đó do nhiều nhà báo khác nhau đảm nhiệm.

Số đầu tiên của *Nông cổ mìn đàm* đăng bài “*Nông - cổ nhựt – Báo tự tự*” xác định mục đích của việc xuất bản tờ báo là “muốn sao cho nông-cổ phấn hành, sanh đại lợi cùng nhau cộng hưởng. Vậy ra sức lập nên nhựt báo thông tình nhau mà lại rộng chỗ kiến văn, lần lần liệu ta cử đồ đại sự” (Canavaggio 1901a). Trong bài *Thương*

*cổ luận*<sup>(8)</sup> số đầu tiên, Lương Khắc Ninh viết cụ thể hơn: “Sự đại thương là đệ nhất cách giúp cho dân phú quốc cường. Xin anh em xét lại mà coi, có phải là hễ dân giàu là nước giàu chung, còn dân nghèo thì nước cũng không giàu đặng. Tờ này mới khởi hành, nên tỏ một ít lời cho chư vị quý nhơn rõ ý nhật báo, chỉ muốn cho người bản quốc có kỹ nghệ và thương mãi, đặng làm cho hiệp với người Khách và người Thiên (tức người Ấn Độ - TG) trước” (Lương Khắc Ninh 1901a).

Trong các số báo sau, mục đích của báo tiếp tục được nói rõ hơn. Bài “*Bổn quán cần tín*”, số 29, ghi: “chúng tôi đã tỏ nhiều lần trong tờ nhật báo này, rằng lập ra đây là để làm sự đại hữu ích cho người bản quốc trước là xem chơi truyện vui... và lại luận việc lợi hại phải chăng, cho rõ thấy, may có đồng tâm đồng chí mà học bán học buôn, học trồng học trĩa, thì là những điều có ích lắm” (Lương Khắc Ninh 1901l); trong bài “Lời rao”, số 119, viết: “... vì thấy người trong nước ít ai muốn ra mà chen đua mỗi lợi, để cho dị quốc họ gom hết đi. Nên mới lập nhật báo này ra trước là khuyên rủ mấy bạn đồng ban ra sức mà hùn hiệp với nhau đặng mở đảng thương mãi, lợi nước lợi dân; sau nữa là làm cho có đảng có nẻo” (Lương Khắc Ninh 1903d).

Trên *Nông cổ mín đàm*, chủ bút Lương Khắc Ninh phụ trách viết mục *Thương cổ luận* với khoảng 120 bài<sup>(9)</sup>, ngoài ra ông còn viết loạt bài “*Đại thương hiệp bốn cách*” đăng liên tiếp

trên 6 số báo (từ số 10 đến số 15), loạt bài “*Lập thương cuộc*” đăng từ số 144 đến số 150 và các số tiếp sau đó... Nội dung của các bài báo này phân tích những hạn chế trong tư duy kinh tế của người Việt, đưa ra những mô hình làm ăn của người Pháp và Hoa kiều, từ đó kêu gọi người Việt hùn vốn để lập công ty sản xuất kinh doanh, cạnh tranh với các thương nhân nước ngoài<sup>(10)</sup>.

Báo *Nông cổ mín đàm* tiếp tục trở thành diễn đàn kêu gọi cải cách của phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ trong những năm 1906-1908. Sau khi Trần Chánh Chiếu thôi làm chủ bút (1908), tờ báo này tiếp tục tồn tại nhưng giảm hẳn các bài viết kêu gọi đổi mới. Đến số 662, ngày 18/01/1917 (được đánh số lại từ số 01), lúc Nguyễn Chánh Sắt làm chủ bút, tờ *Nông cổ mín đàm* đăng trở lại các bài viết kêu gọi minh tân, đến năm 1924, báo *Nông cổ mín đàm* ngừng xuất bản.

## **2.2. Những nội dung vận động đổi mới tư duy kinh tế trên *Nông cổ mín đàm***

### **2.2.1. *Phê phán những hạn chế trong tư duy kinh tế của người Việt***

Thông qua mục *Thương cổ luận*, Lương Khắc Ninh đã phản ánh, và mổ xẻ những thói hư tật xấu của người Việt, cả trong suy nghĩ, trong cuộc sống thường ngày cũng như trong làm kinh tế. Đó là thói tham lợi vô cớ, ham cờ bạc để mong giàu nhanh chóng (Lương Khắc Ninh 1901e); tư tưởng thiếu đoàn kết, không tin tưởng nhau trong kinh doanh: “người nước mình

hẹp tình cùng nhau, hễ ai giàu nấy ăn, còn ai khó nấy chịu, bởi vậy cho nên phú hậu nước Nam ta không bền vững đặng, cũng bởi vì lượng hẹp và tánh khác ai ai cũng đều muốn một mình hơn mà thôi... Vậy xin làm sao mà bỏ đặng tục ấy” (Lương Khắc Ninh 1901g).

Thói xấu “chộp giựt”, tham vật, không coi trọng chữ tín trong kinh doanh cũng được Lương Khắc Ninh bàn đến. Trong *Thương cổ luận* số 14 (31/10/1901), ông viết: “Việc của chư quốc là người ta trọng việc bền bỉ, lâu dài, mỗi vật làm ra mà buôn bán, hay là cách buôn thì cứ làm một lệ và bán một giá... Việc làm cách tính, kể sự lâu dài; chẳng phải như người mình mà tính việc sắp thời thì mỗi điều chi không bền bỉ đặng” (Lương Khắc Ninh 1901h), ông đưa ra ví dụ về tình trạng gian lận trong việc bán nước mắm dáo (giả), thuốc lá lót (chỉ có một vài điều đầu là thật, còn lại đều kém chất lượng) của người Việt ở các chợ lúc bấy giờ và kêu gọi người Việt “ráng mà bắt chước sự ngay thật và làm việc thanh lợi cho lâu dài;... Cứ lấy sự thiệt thì hay hơn, hễ người mà tin nhau đặng rồi thì việc bền vững ắt đặng; chớ ví như làm cho người mất tin mình thì ắt điều nhỏ cũng khó thành tựu” (Lương Khắc Ninh 1901h).

Một hạn chế khác của người Việt làm ảnh hưởng đến việc hợp tác làm ăn lớn được Lương Khắc Ninh nhắc đến, đó là “thói kình nghề, ganh gổ với nhau, thật là thói người Annam ta

mười người gần hết chín. Vì vậy nên không có hiệp lực cùng nhau mà làm cho đặng điều có lợi ích; hễ trong xóm trong làng, thì lẽ thường kẻ khá trước người khá sau, mà tánh người mình hay tính, hay kể việc trước sau mà ghét nhau..., kiếm chuyện dèm xiêm, nói này nói nọ” (Lương Khắc Ninh 1901i) và ông kêu gọi mọi người hãy “bỏ sự kình nghề và ganh gổ với nhau” (Lương Khắc Ninh 1901i) để cùng nhau hỗ trợ, hợp tác trong kinh doanh.

Ở các bài *Thương cổ luận* số 51 (ngày 14/8/1902), số 53 (ngày 28/8/1902) và số 54 (ngày 4/9/1902), Lương Khắc Ninh phân tích và chỉ ra sự lãng phí thời gian, quanh năm chỉ biết một nghề làm nông của đa số người dân nông thôn, thích những việc dễ, không ưa làm những việc khó, thiếu kiên nhẫn, mới giàu có đã vội khinh miệt kẻ nghèo hèn...; ở số 24 (ngày 16/01/1902), Lương Khắc Ninh phê phán tư tưởng an phận, không dám kinh doanh lớn của người Việt, những người giàu có thường “chỉ lo giữ tiền để dưỡng già, ăn chơi cho vui, không dám hùn làm ăn vì sợ lỗ vốn, cho vay sợ mất của, đi buôn lại sợ bồi, sợ cướp, rốt cuộc chỉ tậu ruộng cho mướn” (dẫn theo Sơn Nam 2013: 176). Theo ông, những hạn chế trên đã và đang cản trở người Việt tiến lên trên con đường kinh doanh buôn bán lớn, góp phần làm cho dân phú quốc cường.

### **2.2.2. Hướng dẫn và kêu gọi người Việt hùn vốn đầu tư sản xuất, kinh doanh**

Thông qua mục *Thương cổ luận*, Lương Khắc Ninh đã phân tích mô hình kinh doanh lớn của tư bản phương Tây và Hoa kiều để “cho người nước chúng ta bắt chước mà làm theo, choặng hưởng lợi lớn, kéo uổng cho chúng ta là người sanh đặng trong xứ tốt, lợi lắm, mà không biết thủ lợi, lại để cho người dị quốc gom hết” (Lương Khắc Ninh 1901c), đồng thời phê phán tư duy làm ăn nhỏ lẻ, coi trọng lợi ích trước mắt, không dám đầu tư lâu dài của người Việt.

Trong bài *Thương cổ luận đầu tiên* đăng trên số 1 (ngày 01/8/1901), Lương Khắc Ninh đã lấy việc góp vốn của tư bản Pháp và Hoa kiều trong ngành xây dựng và khai thác tuyến xe lửa Sài Gòn - Chợ Lớn để làm ví dụ về việc góp vốn làm ăn của người phương Tây và phê phán tư tưởng không dám mạo hiểm trong kinh doanh của người Việt và “người bản quốc ta muốn cho thấy trước mắt có lợi mới chịu làm” (Lương Khắc Ninh 1901a). Ông viết: “Tôi xin lấy một vụ thương mại lập đã lâu ở trước mắt chúng ta, thành lợi lắm, một mà lời mưòi thì xét cho kỹ thì không thấy người Annam nào hùn lấy một phần nhỏ hơn hết: là sở xe lửa Chợ Lớn đi Sài Gòn. Sở đó cũng là một hãng buôn, hiệp nhiều hùn mà lập ra; cũng có nhiều người bản quốc rõ biết là hãng buôn lập ra, còn cùng có nhiều người ở xa, tưởng là của nhà nước làm, vì thấy công chuyện trọng thể như vậy, nên tưởng là có một nhà nước có sức mà làm đặng, chớ không

tưởng là hãng buôn nào mà lập cho nổi. Thôi, những người chưa rõ thì chẳng nói làm chi, tiếc cho những người biết rõ mà lại làm sao không có lấy một phần hùn nào hết? Song tôi nghe nói như vậy: ở tại Chợ Lớn, có một ít người giàu có khi đó có mua một ít phần hùn, nhưng mà đến khi mới khởi công đặt đường sắt, thì giựt mình nghĩ rằng không thành lợi, đem mấy giây hùn của mình mà bán cho người Khách, hay là người Lang sa; bởi vậy cho nên ngày nay không có một người Annam nào hết trong sở xe lửa đó. Thiệt nên tiếc hết sức, xin mấy ông xem lại mà coi, có phải là người bản quốc chưa có rõ cho lắm về cách đại thương” (Lương Khắc Ninh 1901a).

Từ việc phân tích trên, Lương Khắc Ninh kêu gọi: “Việc buôn lớn trong xứ ta, nếu mà người mình mở lòng rộng rãi mà chung vốn cùng nhau, hể nhiều người thì vốn lớn, buôn chi cũng đặng, ắt là lợi lắm... chúng ta mà không hiệp cùng nhau mà buôn, tôi biết một là vì một điều nghi nhau không trung tín, ngại nhau không thuận hòa nên lâu nay không ai chịu chung cùng với ai mà buôn bán nên để cho dị quốc làm mà thôi” (Lương Khắc Ninh 1901a).

Trong bài *Thương cổ luận số 4* (ngày 22/8/1901), Lương Khắc Ninh dẫn ra tình hình kinh doanh của thương nhân Hoa kiều và sự chuyển biến chậm chạp của người Việt trong kinh doanh: “Tại thành phố Chợ Lớn, lúc này đã có 5, 6 nhà máy xay, còn tàu khậu ăn lúa thì có hơn trăm cái, vậy tôi xin chur vị quý nhơn xét cho kỹ, coi có cái nào,

hoạt động nhà máy xay, hoạt động tàu khậu mà thuộc về người bản quốc không? Theo tôi, kiếm hết sức thì không có, mà chẳng biết chừ vị có biết cái nào không? Ấy vậy có phải là những người khách, cùng người di quốc, người Hồng mao... họ làm những nhà máy xay và tàu khậu ăn lúa, thì là họ gom hết những mối lợi lớn trong xứ của chúng ta; còn người chúng ta, người giàu có thể hợp nhau mà làm thì không muốn làm, cứ chuyên tung dung, hàm hí, khoái chí tự dinh.... Tôi mà rõ tình hình người bản quốc chừng nào thì lòng đau, mất ứa” (Lương Khắc Ninh 1901c).

Sau khi nêu lên thực trạng trên, Lương Khắc Ninh đặt ra vấn đề là người Việt cần phải học kinh doanh và sản xuất theo người Pháp, người Hoa để trở nên giàu có và hỗ trợ những người Việt nghèo khó vươn lên. Ông viết: “Vậy thì phải làm sao? Cứ thế mà làm, xin làm như vậy, xin hiệp nhau lại mà buôn bán lúa gạo cho lớn, hoặc hùn mà lập nhà máy xay. Hùn lớn buôn to ắt có lợi lớn, chẳng những có lợi lớn mà thôi, mà lại nuôi đặng nhiều người thông thái và nghèo cực; nghĩa là làm sao cho người bản quốc có nghèo cũng làm mướn cho bản quốc... chớ để đi làm tô tở cho người di quốc tại bản kiến mình thì hổ lắm” (Lương Khắc Ninh 1901c); “hễ thấy người di quốc làm điều chi phải và giỏi thì muốn ráng sức, bắt chước mà làm theo cho hơn, nếu không thì cho bằng, chớ để mà trâm trở khen ngợi việc người, còn mình thì bỏ luồn bỏ hoang

đi thậm hồ lắm” (Lương Khắc Ninh 1902a).

Một vấn đề khác cũng được Lương Khắc Ninh nhắc tới, đó là tình trạng người Việt sử dụng và khai thác nguồn vốn tích lũy được bằng cách cất giữ hoặc cho vay nặng lãi mà không dùng chúng để đầu tư kinh doanh. phân tích và phê phán tình trạng này như sau: “Tục nước mình hễ người làm có dư tiền bạc thì... hoặc là chôn, hoặc mua rương xe, tủ sắt đựng cho đầy, liệu mỗi năm lợi bao nhiêu, tính hễ nhiều thì chắc phần giàu không muốn đem ra mà buôn bán làm cho lợi thêm nhiều nữa; dùng không hết thì để cho vay, cầm cố ruộng vườn mà thôi; cho vay lại tính lời cho quá nhứt bản nhứt tức, làm cho người nghèo thiếu phải nghèo thiếu thêm” (Lương Khắc Ninh 1901d). Từ đó, ông kêu gọi người Việt nên sử dụng nguồn vốn tích lũy được hùn lại để “hoặc lập tàu khậu ăn lúa gạo hoặc lập nhà máy xay, xay lúa, thì một ngàn người hiệp lại vốn lớn buôn to... Như nội Lục tỉnh mà hùn thử lấy năm bảy cái nhà buôn như vậy thì kẻ nghèo khó có phương kế làm ăn...” (Lương Khắc Ninh 1901d).

Không chỉ kêu gọi góp vốn để buôn bán, Lương Khắc Ninh còn cho rằng, đất Nam Kỳ có lợi thế về sản xuất lúa gạo, mặt hàng xuất khẩu mang lại nhiều lợi nhuận, “những người nào chuyên làm nghề lúa thì làm cho lớn, làm năm ba trăm mẫu, mướn người cho nhiều, ấy là nghề buôn lớn trong cách làm ruộng” (Lương Khắc Ninh 1901i).

Trong loạt bài *Thương cổ luận* đăng trên các số 38 (ngày 15/5/1902), số 39 (ngày 22/5/1902) và số 40 (ngày 29/5/1902), Lương Khắc Ninh kêu gọi những người giàu có trong các hạt ở Nam Kỳ hùn vốn để mở tiệm cầm đồ ở mỗi hạt; trên số 41 (ngày 5/6/1902), số 42 (ngày 12/6/1902) hướng dẫn cách kinh doanh, giữ tiền bạc, chia khóa, cách thu xuất; số 43 (ngày 19/6/1902) chỉ cách biên sổ, cách cầm đồ rất chi tiết; số 43 (ngày 26/6/1902) kêu gọi lập nhà in; số 46 (ngày 10/7/1902) bàn về cách buôn lúa gạo và cho vay tiền bạc; số 48 (ngày 24/7/1902) hướng dẫn cách huy động vốn cổ phần để mở tiệm cầm đồ, lập nhà in, công ty buôn lúa gạo...

Từ số 58 (ngày 02/10/1902) đến số 90 (ngày 21/5/1903), mục *Thương cổ luận* được Lương Khắc Ninh viết bằng thơ, tiếp tục phân tích và kêu gọi người Việt hùn vốn để giao thương buôn bán và kêu gọi học hỏi tinh thần đoàn kết để cạnh tranh với các thương nhân Hoa kiều và Ấn kiều.

Sau hai năm bàn nhiều về lợi ích to lớn của việc đại thương, phê phán tư tưởng coi thường hoạt động buôn bán và ý thức kinh doanh của người Việt, kêu gọi học tập Hoa kiều, Ấn kiều... đoàn kết, hùn vốn kinh doanh, sản xuất, trong số 104 (27/8/1903), Lương Khắc Ninh chủ trương “năm thứ ba này, tôi ráng sức luận việc buôn và chỉ cách thế, làm sao mà hùn hiệp buôn chung cho đặng” (Lương Khắc Ninh 1903b). Từ số 105 (03/10/1903) đến số 126 (21/1/1904) và từ số 138

(28/4/1904) đến số 141 (19/5/1904), mục *Thương cổ luận* tập trung bàn về việc phải lập sổ sách, ghi chép rõ ràng việc hùn vốn, phải có điều lệ hợp tác cụ thể rõ ràng để tránh việc bỏ cuộc nửa chừng và về mặt pháp lý thì phải “thuê trạng sư, những người luật sĩ làm tờ hùn y theo thể lệ và y theo luật. Tờ hùn hiệp làm rồi, thì mình và mấy người của mình ký vào..., lập khai đoan” (Lương Khắc Ninh 1903c).

Đồng thời với việc vận động, hướng dẫn các hoạt động, kinh doanh, Lương Khắc Ninh còn đăng các bài “*Đại thương hiệp bốn cách*” (liên tiếp trên 6 số báo *Nông cổ mín đàm*, từ số 10 đến số 15), bài “*Hiệp bốn chiêu thương*” đăng trên số 8 (ngày 19/9/1901) và rải rác trong một số báo khác để kêu gọi hùn vốn kinh doanh. Đáng chú ý là trên số 158 (ngày 23/9/1904), Lương Khắc Ninh đăng bài nêu ý kiến lập một hãng buôn với số vốn là một triệu đồng, gồm một nửa vốn của người Pháp, một nửa của người bốn quốc (người Việt - TG). Công ty này sẽ thu mua lúa gạo miền Tiền Giang và Hậu Giang và đồng thời bán các hàng hóa cần thiết; đồng thời nêu ra kế hoạch xây dựng vài trung tâm thương mại mới để chặn đầu Chợ Lớn – nơi mà Hoa Kiều đang nắm ưu thế.

Đặc biệt, từ số 141 (ngày 10/5/1904) đến số 144 (16/6/1904) và từ số 146 (ngày 30/6/1904) đến số 150 (ngày 28/7/1904) và các số tiếp sau đó, mục *Thương cổ luận* được thay bởi mục *Lập thương cuộc* để đăng loạt bài mẫu hướng dẫn thành lập công ty và kêu

gọi góp vốn. Lương Khắc Ninh đã cho đăng dự thảo điều lệ công ty, mẫu giấy tờ giao ước góp vốn... theo đúng luật pháp lúc bấy giờ để người Việt tham khảo và làm theo. Tiếc là các số báo trong các năm sau đó của *Nông cổ mín đàm* bị thất lạc nhiều nên chúng tôi không thể tiếp tục mô tả thêm.

Có thể nói, *Nông cổ mín đàm*, trong đó trực tiếp là mục *Thương cổ luận* đã trở thành diễn đàn phê phán mạnh mẽ quan điểm kinh tế và văn hóa kinh doanh lạc hậu của người Việt, đề cao thương nghiệp, góp phần tạo nền móng cho việc khởi xướng cuộc vận động cải cách kinh tế ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX.

### **2.2.3. Hướng dẫn kỹ thuật canh nông**

Ngoài quan tâm kêu gọi phát triển nghề buôn bán, làm dịch vụ, *Nông cổ mín đàm* dưới thời Lương Khắc Ninh làm chủ bút còn quan tâm đến lĩnh vực canh nông mang lại hiệu quả cao. *Nông cổ mín đàm* số thứ 2 (ngày 8/8/1901), số 3 (ngày 15/8/1901) và số 4 (ngày 22/8/1901) đăng bài “Luận việc đề tằm trong nước Nam”. Bài báo đưa ra số liệu “nước ta bán ra cho ngoại quốc thì nhiều, năm 1888ặng 392.000 franco, qua đến 1895ặng 1.641.716 franco... ấy vậy thì việc tơ kén là việc đại lợi trong nước ta. Nếu chẳng lo mở mang làm nên cuộc lớn thì là uổng lắm” (Lương Khắc Ninh 1901b) và thuật lại việc trồng dâu nuôi tằm lấy tơ phục vụ trong nước và xuất khẩu, mô tả về các giống dâu tằm trong và ngoài nước, hướng dẫn kỹ thuật trồng dâu nuôi tằm. Báo Nông

cổ mín đàm số thứ 2 và thứ 3 còn đăng bài “Dầu đu đủ tía”, phân tích về thực trạng tiềm năng, lợi nhuận của việc trồng xuất khẩu đu đủ tía ở Nam Kỳ, đến số 8 (19/9/1901) đăng bài “Hiệp bản tài thợ” của Canavaggio hướng dẫn về kỹ thuật trồng, hái trái và ép dầu loại cây trồng này để phục vụ cho xuất khẩu (Canavaggio 1901c).

Số 17 (ngày 21/11/1901) đăng bài “Nói chuyện trồng dưa” của Canavaggio, phân tích tiềm năng thổ nhưỡng của Nam Bộ đối với cây dưa. Không rõ dựa vào nguồn nào, Canavaggio đã thống kê “năm 1896, hạt Bến Tre có đặng 5498 mẫu vườn dưa; hạt Vĩnh Long có 1638 mẫu vườn dưa; hạt Mỹ Tho có 4247 mẫu... Năm 1896, nội trong Nam Kỳ ta cộng lại đặng 15638 mẫu vườn dưa” (Canavaggio 1901d) và sau đó đưa ra những hướng dẫn về kỹ thuật trồng dưa, dọn đất...

Đến các số 28 (ngày 6/3/1902), số 29 (ngày 13/3/1902) và số 33 (ngày 10/4/1902), số 67 (ngày 4/12/1902) lần lượt đăng các bài “trồng dưa”, “cách trồng dưa”, “chuyện trồng dưa” và “trồng dưa và buôn bán dưa” của Nguyễn Dư Hoài nói về kỹ thuật trồng dưa trên đất cù lao ở Nam Kỳ, cách chăm sóc dưa, phòng trừ đung dưa, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ dưa. Sau bài “trồng dưa và buôn bán dưa” đăng trên số 67 (ngày 4/12/1902) cho đến số 150 (24/7/1904), chỉ có duy nhất một bài viết về việc hướng dẫn kỹ thuật canh nông được đăng trên số 125 (ngày 24/01/1904), đó là bài “Nông thuyết”

của N.K.P. bàn về việc thử nghiệm trồng cây dầu mè để lấy dầu (N.P.K 1904). Ngoài ra, trong nhiều số báo còn có nhóm bài “Tài thọ luận” của Phan Công Võ đăng những nội dung hướng dẫn về kỹ thuật trồng cây gòn, cách chiết nhánh cây, kỹ thuật làm đất trồng lúa (Phan Công Võ 1904).

Nông cổ mín đàm từ số 37 (ngày 8/5/1902) đến số 40 (ngày 29/5/1902) và các số 43 (ngày 19/6/1902), số 46 (ngày 10/7/1902) đăng loạt bài “Trồng dưa hấu” của Nguyệt Thanh - Đặng Dải Nhơn viết về nguồn gốc cây dưa hấu của Việt Nam. Những kiến thức về kỹ thuật chọn đất, làm đất trồng dưa, cách chọn giống, ươm mầm, trồng dưa, cắt ngọn, trừ sâu rầy... được hướng dẫn rất chi tiết (Nguyệt Thanh - Đặng Dải Nhơn 1902).

Về kỹ thuật chăn nuôi, số 5 (ngày 29/8/1901) có bài “Gia súc vật” của Canavaggio. Nội dung bài báo phân tích những lợi thế về đất đai, thảo mộc của Lục tỉnh đối với việc trồng cỏ để chăn nuôi quy mô lớn, tiếp đó, bài báo đăng những thông tin hướng dẫn cách trồng cỏ và nuôi các loài gia súc (Canavaggio 1901b).

Có thể thấy, trên tờ *Nông cổ mín đàm*, việc phổ biến kỹ thuật canh nông không chiếm dung lượng nhiều như vấn đề thương mại<sup>(11)</sup>. Tuy nhiên, việc đưa những vấn đề này lên báo chí để phổ biến kiến thức và khởi xướng sản xuất nông nghiệp để tạo ra hàng hóa là một quan điểm hết sức mới mẻ đối với người Việt ở Nam Kỳ nói riêng và Việt Nam nói chung lúc bấy giờ.

### 3. TÁC ĐỘNG BƯỚC ĐẦU CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG ĐỔI MỚI TƯ DUY KINH TẾ Ở NAM KỲ

Cuộc vận động kêu gọi người Việt phát triển kinh tế theo phương thức tư bản trên *Nông cổ mín đàm* trước tiên tác động tới giới độc giả trí thức<sup>(12)</sup>. Sau tám số phát hành, một số bạn đọc đã thể hiện sự ủng hộ chủ trương của *Nông cổ mín đàm* và chủ bút Lương Khắc Ninh. Trong số 9 (ngày 26/9/1901), *Nông cổ mín đàm* đã đăng những bài thơ của một số người gửi tặng ủng hộ báo ở Sa Đéc, Trà Vinh, Bến Tre, Cao Lãnh (tiêu biểu có Đặng Thúc Liêng, Nguyễn Liên Phong và Nguyễn Chánh Sắt) và thể hiện sự ủng hộ đối với chủ bút. Đến số báo 92 (ngày 4/6/1903), Lương Khắc Ninh đăng bài *Thương cổ trí luận* thay thế cho bài *Thương cổ luận* thường kỳ, trong đó ông viết: “Gần đủ hai năm, tôi luận đại khái trong cách hùn hiệp buôn chung tại Nam Kỳ Lục tỉnh, phân điều lợi hại, luận lý phải chăng, nhắc việc nhơn nghĩa, chỉ đường đạo đức. Đến nay theo ý tôi tưởng, có khi chưa vị cũng mỗi lòng một mắt chớ chẳng không? Bởi vậy cho nên, có lý hỏi thăm như vậy chẳng sai: Một là hỏi sao luận hoài? - Hai là hỏi, luận hoài sao chưa thấy ai hùn hiệp buôn bán chi? - Ba là cũng chưa thấy người luận biện thương cổ đó lập nhà buôn nào? Trong ba lời hỏi ấy, mới nghe qua cũng là phải, nhưng xét lại lý thường. Tôi xin đáp ba lời hỏi ấy: Một là luận hoài cho người hiểu rõ, bởi nhằm thấy, nhằm nghe. Hai là tuy thấy nghe mà chưa xét kỹ, nên chưa tin, tại

chưa tường tất cho nên chưa hùn hiệp buôn bán. Ba là, tôi rõ biết người chưa xét kỹ, chưa tin lời luận là trúng lý, bởi vậy chưa lập đăng cuộc chi” (Lương Khắc Ninh 1903a).

Sau bài *Thương cổ trí luận*, mục *Thương cổ luận* tạm dừng từ số 93 đến số 103 và chủ bút kêu gọi bạn đọc bình luận về chuyện thiết yếu trong *Thương cổ luận* trên *Nông cổ mìn đàm*. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian không đăng *Thương cổ luận*, không thấy có số báo nào đăng ý kiến của người đọc, đến số 104 (ngày 27/8/1903), Lương Khắc Ninh đăng lại mục *Thương cổ luận* và cho biết “đã gần ba tháng rồi mà chẳng có ai xem xét và trả lời câu hỏi của tôi. Cũng có một hai vị thiếu niên vẫn có lòng chiếu cố có trả lời” (Lương Khắc Ninh 1903b). Đến số báo 140 (12/5/1904), tình hình có vẻ tốt hơn, trong bài *Thương cổ luận* đăng ở số này,

Lương Khắc Ninh viết: “đã gần 3 năm tôi luận việc thương cổ, vì ý muốn cho người bản quốc buôn bán cho đông, đăng cho có lợi nhiều; thì xét lại cũng có một số nơi, đã bày buôn bán, xem lại cũng có thanh lợi hơn lúc chưa buôn. Vậy tôi lấy làm vui mừng hết sức...” (Lương Khắc Ninh 1904).

Qua những tư liệu trên cho thấy, sau 5 năm vận động đổi mới tư duy kinh tế trên báo *Nông cổ mìn đàm*, Lương Khắc Ninh vẫn chưa tạo ra được một phong trào cải cách kinh tế mạnh mẽ ở Nam Kỳ. Tuy vậy, tinh thần của cuộc vận động đã bước đầu thâm nhập, lan tỏa trong giới trí thức, điền chủ, công chức người Việt có tinh thần dân tộc. Chẳng thế mà, những tư tưởng của ông sau đó đã được Trần Chánh Chiếu tiếp tục phát triển khi thay ông làm chủ bút *Nông cổ mìn đàm* (1906-1908) và *Lục tỉnh tân văn* (1907-1908). □

#### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Campuchia, Lào là xứ bảo hộ, tại đây thực dân Pháp vẫn duy trì song song bộ máy chính quyền của người “bản xứ” bên cạnh bộ máy cai trị thực dân. Riêng ở Nam Kỳ, Pháp trực tiếp điều khiển hệ thống chính quyền. Người Việt tuy có tham gia trong bộ máy chính quyền, nhưng chỉ với vai trò, tư cách cá nhân trong hệ thống chứ không có thiết chế tổ chức chính quyền riêng của người “bản xứ” như ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Campuchia và Lào.

<sup>(2)</sup> Tháng 7/1889, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cho thiết lập tuyến đường xe điện đầu tiên ở Nam Kỳ từ Sài Gòn đi Gò Vấp, sau đó kéo dài đến Hóc Môn. Ngày 17/9/1897 bắt đầu khai thác đoạn Sài Gòn - Gò Vấp.

<sup>(3)</sup> Ngày 30/9/1868, Thống đốc Nam Kỳ đã ký nghị định thành lập Phòng Thương mại Sài Gòn để tư vấn, quản lý và hỗ trợ cho hoạt động thương mại ở đây.

<sup>(4)</sup> Từ tháng 2/1860, Cảng Sài Gòn bắt đầu hoạt động, đón nhận tàu bè vận chuyển, xuất nhập mọi loại hàng hóa (chủ yếu là lúa gạo), trở thành đầu mối của các tuyến hàng hải từ châu Âu sang Viễn Đông và ngược lại.

<sup>(5)</sup> Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, dưới quy chế bảo hộ, sự thay đổi về giáo dục chậm hơn. Kỳ thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ là năm Ất Mão (1915), ở Huế là năm Mậu Ngọ (1918). Chế độ

giáo dục và khoa cử Nho học thực sự cáo chung ở Việt Nam với khoa thi Hội năm Kỷ Mùi (1919) ở Huế. Tuy vậy, đến năm 1932 triều đình Huế mới bỏ việc dùng chữ Hán và thay thế bằng chữ Pháp hay chữ Quốc ngữ.

<sup>(6)</sup> *Gia Định báo* tồn tại một thời gian khá dài, đến ngày 01/01/1910, báo bị đình bản.

<sup>(7)</sup> Tên "*Nông cổ mìn đàm*" có nghĩa là "uống trà bàn chuyện làm ruộng và đi buôn", tiếng Pháp là "*Causeries sur l'agriculture et le commerce*". Ban đầu, trụ sở của tòa soạn đặt ở số 84 đường La Grandière, Sài Gòn. Sau đó, trụ sở liên tục thay đổi trước khi tọa lạc tại số 12 đường Cap Saint-Jacques, Sài Gòn.

<sup>(8)</sup> Trên *Nông cổ mìn đàm*, mục *Thương cổ luận* (bàn luận chuyện buôn bán) do Lương Khắc Ninh viết là mục quan trọng của báo.

<sup>(9)</sup> Từ số 1 đến số 150, mục *Thương cổ luận* hầu như thường trực trên trang 1 hoặc trang 2 của *Nông cổ mìn đàm*. Các số không có bài *Thương cổ luận* gồm: số 2; số 24; số 91; từ số 75 đến số 78; từ số 93 đến số 103; từ số 127 đến số 137; từ số 144 đến số 150.

<sup>(10)</sup> Theo Sơn Nam (2014: 240), trong *Lục tỉnh tân văn* số 11 (trang 10-12) có đăng một bài thơ của ông Trịnh Khánh Tấn, theo đó thì ông Khánh Tấn nói rằng "trước kia trên *Phan Yên báo* và *Nhật báo tinh* đã đề cập đến việc đồng bào nên tranh thương, kể đó là ông Lương Khắc Ninh trên *Nông cổ mìn đàm*".

<sup>(11)</sup> Lương Khắc Ninh giải thích trong mục *Thương cổ luận* số 41 (ngày 19/5/1904) như sau: "Từ ngày lập nhật báo *Nông cổ* này cho đến nay, thì trọng về việc cổ hơn việc nông. Bởi sao? Cũng bởi người bản quốc chuyên nghề nông hơn, cho nên ít luận về nông; còn thương cổ, thì làm việc nhỏ, bỏ việc lớn, tránh điều lợi, đợi điều tổn. Cho nên tôi thường hay luận việc thương nhiều hơn".

<sup>(12)</sup> Những người mua và đọc *Nông cổ mìn đàm* chủ yếu là các quan chức, điền chủ ở các địa phương, như cai tổng, hội đồng, hương chủ, tri huyện và các công chức nhà nước - tức là những người biết đọc chữ Quốc ngữ và có quan tâm đến các vấn đề mà báo đề cập. Theo mục *Bổn quán cần tín* trang 6 số thứ 39 (ngày 22/5/1902), thì sau gần 1 năm phát hành, đã có 325 người mua báo và đến số 118 và 119, Lương Khắc Ninh cho biết: "số người mua nhật trình có ba trăm ngoài mà thôi".

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Canavaggio. 1901a. "Nông-cổ nhật-báo tự tự". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ nhật.
2. Canavaggio. 1901b. "Nói chuyện trồng dưa". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 5.
3. Canavaggio. 1901c. "Nói chuyện trồng dưa". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 8.
4. Canavaggio. 1901d. "Nói chuyện trồng dưa". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 17.
5. Lê Hữu Phước. 2013. "Nhận diện di sản kinh tế thời thuộc địa ở Nam Kỳ". Tạp chí *Phát triển Khoa học và Công nghệ*, Tập 16, Số X3, 2013.
6. Lương Khắc Ninh. 1901a. "Thương cổ luận". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ nhật.
7. Lương Khắc Ninh. 1901b. "Luận về việc đề tằm trong nước Nam". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 2.
8. Lương Khắc Ninh. 1901c. "Thương cổ luận". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 4.
9. Lương Khắc Ninh. 1901d. "Thương cổ luận". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 7.
10. Lương Khắc Ninh. 1901e. "Thương cổ luận". *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 8.

11. Lương Khắc Ninh. 1901f. “Thương cổ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 9.
12. Lương Khắc Ninh. 1901g. “Thương cổ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 11.
13. Lương Khắc Ninh. 1901h. “Thương cổ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 14.
14. Lương Khắc Ninh. 1901i. “Thương cổ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 19.
15. Lương Khắc Ninh. 1902a. “Thương cổ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 22.
16. Lương Khắc Ninh. 1902b. “Bổn quán cần tín”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 29.
17. Lương Khắc Ninh. 1903a. “Thương cổ trí luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 92.
18. Lương Khắc Ninh. 1903b. “Thương cổ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 104.
19. Lương Khắc Ninh. 1903c. “Thương cổ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 110.
20. Lương Khắc Ninh. 1903d. “Lời rao”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 119.
21. Lương Khắc Ninh. 1904. “Thương cổ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 140.
22. Nguyễn Đình Tư. 2016. *Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ (1859-1954), tập 2*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
23. Nguyệt Thanh - Đặng Dải Nhơn. 1902. “Trồng dưa hấu”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 37, 40, 43 và 46.
24. Phan Công Võ. 1904. “Tài thọ luận”. *Nông cổ mìn đàm*. Số thứ 135.
25. Phan Trọng Báu. 2015. *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
26. Sơn Nam. 2013. *Đất Gia Định - Bến Nghé xưa và người Sài Gòn*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
27. Sơn Nam. 2014. *Phong trào Duy Tân ở Bắc Trung Nam – miền Nam đầu thế kỷ XX – Thiên địa hội và cuộc Minh Tân*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
28. Trần Văn Giàu. 2003. *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, Quyển 1 (Giải cấp công nhân Việt Nam)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.